SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế CTCP số 0303357746 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 28/06/2004, Số ĐKKD 4103002435, đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 30/03/2010)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch số .....
do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ...../...../.....)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây (Vidothep)

Địa chỉ: *117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP.HCM*
Điện thoại: *(08) 2213.4252 - (08) 3865.3581* *Fax: (08) 3865.6862*

2. Công ty cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng (DNSC)

- Hội sở:
Địa chỉ: *102 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng*
Điện thoại: *(0511) 3888.456* *Fax: (0511) 3888.459*
- Chi nhánh TP.HCM:
Địa chỉ: *414 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM*
Điện thoại : *(08) 6290.8919* *Fax: (08) 6290.8907*

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: **NGUYỄN VĂN SÁU**
Chức vụ: **Giám đốc**
Điện thoại: **(08) 3865.3581**

Tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế CTCP số 0303357746 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 28/06/2004, Số ĐKKD 4103002435, đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 30/03/2010)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)

Tổng số lượng đăng ký giao dịch: 1.965.440 cổ phiếu

Tổng giá trị đăng ký giao dịch *(theo mệnh giá)*: 19.654.400.000 đồng

Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: *229 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM*

Điện thoại: *(08) 3827.2295* *Fax: (08) 3827.2300*

Tổ chức cam kết hỗ trợ: Công ty cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng (DNSC)

- Hội sở:

Địa chỉ: *102 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng*

Điện thoại: *(0511) 3888.456* *Fax: (0511) 3888.459*

- Chi nhánh TP. HCM:

Địa chỉ: *414 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM*

Điện thoại : *(08) 6290.8919* *Fax: (08) 6290.8907*

MỤC LỤC

Trang

I. Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán đăng ký giao dịch 4

1.1. Rủi ro về kinh tế 4

1.2. Rủi ro về luật pháp 4

1.3. Rủi ro đặc thù ngành 5

1.4. Rủi ro khác 5

II. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin . 6

2.1. Tổ chức đăng ký giao dịch 6

2.2. Tổ chức cam kết hỗ trợ 6

III. Các khái niệm 6

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký giao dịch 7

4.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 7

4.2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty 9

4.3. Diễn giải cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty 9

4.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 15/10/2010; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ 11

4.5. Hoạt động kinh doanh 12

4.6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 - 2009 và 9 tháng đầu năm 2010 19

4.7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 22

4.8. Chính sách đối với người lao động 22

4.9. Chính sách cổ tức 23

4.10. Tình hình hoạt động tài chính 23

4.11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng 28

4.12. Tài sản 38

4.13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 40

4.14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty 42

4.15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty 42

V. Chứng khoán đăng ký giao dịch 43

VI. Các đối tác liên quan tới việc đăng ký giao dịch 44

VII. Phụ lục 44

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1.1. Rủi ro về kinh tế

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với nhiều dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được triển khai nên nhu cầu tiêu dùng thép cũng như các sản phẩm sắt thép trong tương lai là rất lớn. Điều đó mở ra tiềm năng, triển vọng phát triển mạnh mẽ cho Công ty. Tuy nhiên, nếu nền nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng hoặc phát triển chậm lại, các dự án đầu tư xây dựng giảm bớt, điều này sẽ gây tác động xấu cho ngành sản xuất sản xuất kinh doanh thép, cũng như ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2010 là năm bản lề cho sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu cũng như trong nước, tuy nhiên, ngành thép năm 2010 được nhận định vẫn chưa hết khó khăn. Các khó khăn trước mắt có thể nhìn thấy rõ là: giá nguyên liệu cơ bản, quặng sắt, than, dầu, phôi thép, thép phế, điện năng và một số loại nguyên liệu khác cao hơn giá năm 2009. Tuy nhiên gói kích cầu trị giá khoảng 6 tỷ USD từ năm 2009 đã có tác động rất tốt đến sức tiêu thụ sản phẩm thép, khiến thị trường thép trong nước mở rộng đáng kể. Hiệp hội Thép Việt Nam hi vọng, sự phục hồi của thị trường thép cuối năm 2009 sẽ tiếp tục trong năm 2010 này, với tốc độ tăng trưởng dự kiến từ 10 - 12%.

1.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Vidothep sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác. Khi đã trở thành công ty đại chúng và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán cũng như các quy định pháp luật hiện hành khác về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Ngoài ra, chính sách thuế là công cụ điều tiết thị trường được áp dụng nhiều trong thời gian gần đây nhằm đối phó với những biến động trên thị trường trong nước và thế giới. Tuy nhiên, điều chỉnh thuế không kịp thời hay không phù hợp với thực tế đã mang lại những rủi ro lớn, ví dụ như năm 2008 là một năm kinh tế đầy biến động, ngành thép lần đầu tiên xuất khẩu phôi thép nhưng sau đó xu hướng này đã bị chặn đứng bởi những sắc thuế và khiến các doanh nghiệp thép tồn đọng một lượng lớn phôi

thép. Chính sách thuế hỗ trợ ngành thép dù đã được đề đạt nhiều lần nhưng phản ứng cứng nhắc và quá chậm từ cơ quan chức năng đã khiến nhiều doanh nghiệp thép rơi vào thua lỗ và phá sản.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của công ty. Để hạn chế rủi ro này, công ty phải chủ động nghiên cứu, nắm bắt, cập nhật sát sao các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước cũng như các quy định pháp luật, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

1.3. Rủi ro đặc thù ngành

Theo dự báo của Hiệp hội Thép Việt Nam, năm 2010 ngành thép sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn. Các khó khăn trước mắt có thể nhìn thấy rõ là: giá nguyên liệu cơ bản, quặng sắt, than, dầu, phôi thép, thép phế, điện năng và một số loại nguyên liệu khác cao hơn giá năm 2009. Bên cạnh đó, năm 2010 sẽ có một số sản phẩm thép, theo lộ trình qui định WTO, sẽ không còn được hưởng ưu đãi và bảo hộ cao về thuế nhập khẩu sẽ khiến thị trường thép cạnh tranh khốc liệt hơn.

Việc một số dự án mới về thép đi vào sản xuất chính thức làm cho sự mất cân đối giữa nguồn cung và mức tiêu thụ của thị trường càng cách xa thêm cũng là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh quyết liệt giữa các thành phần kinh tế ở thị trường trong nước. Sự cạnh tranh này thể hiện rõ nhất ở các sản phẩm thép xây dựng, cuộn cán nguội, ống thép hàn, tôn mạ kim loại, sơn phủ màu…

Để ngành thép tiếp tục có tăng trưởng, Hiệp hội thép Việt Nam đã đề xuất một số giải pháp như: Chính phủ có các giải pháp hữu hiệu về tài chính (đáp ứng nhu cầu về vốn, về ngoại tệ, về tỷ giá…) để các công ty thép tiếp tục triển khai các dự án đầu tư, có đủ vốn và ngoại tệ trong sản xuất và kinh doanh; sử dụng tối đa những điều luật thương mại quốc tế cho phép để hỗ trợ sản xuất trong nước, kể cả biện pháp tự vệ khi hàng nước ngoài ồ ạt nhập vào Việt Nam đe dọa công ăn việc làm của công nhân Việt Nam; kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư mới, các thủ tục cấp phép đầu tư ngoài qui hoạch để đảm bảo cân đối cung cầu các sản phẩm thép trong nước,...

1.4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hoả hoạn, dịch hoạ, chiến tranh,… là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh chung của công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

2.1. Tổ chức đăng ký giao dịch:

Ông PHAN VĂN TRÚC - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông NGUYỄN VĂN SÁU - Chức vụ: Giám đốc

Bà ĐỖ THỊ LONG CHÂU - Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Bà LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2.2. Tổ chức cam kết hỗ trợ:

Ông TRẦN NGỌC QUANG - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh TP.HCM

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng tại TP.HCM tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	: Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây
Vidothep	: Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây
TCT	: Tổng Công ty
CP	: Cổ phần
CTCP	: Công ty cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
CB-CNV	: Cán bộ - công nhân viên
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
WTO	: Tổ chức Thương mại Thế giới (The World Trade Organization)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

4.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Sau ngày 30/04/1975, tất cả các công ty tư nhân chuyên sản xuất các sản phẩm phục vụ chiến tranh như lưới rào B40, kẽm gai, đinh thép,.... đều ngưng hoạt động và được quốc hữu hoá. Ngày 25/05/1977, Ủy ban nhân dân TP.HCM quyết định quốc hữu hóa 4 doanh nghiệp tư nhân sau: Vidothep, Xí nghiệp Trường Thành, Xí nghiệp Thép thông dụng Việt Nam Vigesco và Công ty nấu sắt Song Châu Sokynaco để tổ chức thành **Nhà máy Vidothep** do Xí nghiệp Liên hợp Luyện cán Thép quản lý.

Tháng 02/1993, Xí nghiệp Liên hợp Luyện cán Thép được đổi tên thành **Công ty Thép Miền Nam** thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 84/CNNg-TC, và Nhà máy Vidothep được đổi tên thành **Nhà máy Lưới thép Bình Tây**.

Ngày 25/12/2000, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ký Quyết định số 76/2000/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Phân xưởng 4 của Nhà máy Lưới thép Bình Tây thành **Công ty cổ phần Lưới thép Sài Gòn**. Công ty cổ phần Lưới thép Sài Gòn *(Saigon Steel Wire Netting Stock Company – SWNS.Co)* được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000816 lần đầu ngày 31/01/2002, có vốn điều lệ 6.904.400.000 đồng, trụ sở chính tại 176/26 Hòa Bình, Phường 20, Quận Tân Bình, TP.HCM.

Ngày 19/12/2003, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ký Quyết định số 225/2003/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy Lưới thép Bình Tây thành **Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây**. Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây *(Binh Tay Steel Wire Netting Joint Stock Company – Vidothep)* được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002435 lần đầu ngày 28/06/2004, có vốn điều lệ 12.750.000.000 đồng, trụ sở chính tại 117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP.HCM. Đến ngày 16/07/2004, Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây chính thức đi vào hoạt động.

Do có cùng ngành nghề và để nâng cao năng lực cạnh tranh, ngày 01/01/2005 Công ty cổ phần Lưới thép Sài Gòn sáp nhập vào Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây và lấy tên là **Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây**, được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002435 thay đổi lần thứ 2 ngày 23/02/2005, có vốn điều lệ mới là **19.654.400.000 đồng***.

Tháng 10/2005, Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây thành lập ***"Chi nhánh Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây"*** tại Lô số 7 Đường 5C, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Đây là Phân xưởng lớn nhất của Công ty hiện nay với diện tích mặt bằng 2,26 ha.

** Số tiền trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002435 ghi sai là 19.654.000.000 đồng, nên Công ty đã làm thủ tục điều chỉnh và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế CTCP số 0303357746, đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 30/03/2010.*

- Tên Công ty : **Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây**
- Tên tiếng Anh : **Binh Tay Steel Wire Netting Joint Stock Company**
- Tên viết tắt : **Vidothep**
- Biểu tượng :
- Vốn điều lệ : 19.654.400.000 đồng
- Trụ sở chính : 117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Điện thoại : (08) 2213.4252 - (08) 3865.3581
- Fax : (08) 3865.6862
- Mã số thuế : 0303357746
- Các đơn vị trực thuộc:
  + Phân xưởng Nhơn Trạch: Lô số 7, đường 5C, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
  + Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0303357746 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 28/06/2004, Số đăng ký kinh doanh 4103002435, đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 30/03/2010)
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán sắt thép, kim loại màu, vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở). Chế tạo, lắp đặt thiết bị sản xuất ngành công-nông-lâm-ngư nghiệp. Mua bán sản phẩm bằng sắt thép, kim loại màu, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Cho thuê mặt bằng, kho bãi. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Cho thuê văn phòng. Lắp ráp sản phẩm cơ khí: xe ô tô (không xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở). Sản xuất, mua bán hàng may mặc, giày dép (không thuộc da, tẩy nhuộm, hồ, in tại trụ sở). Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại, điện tử. Đào tạo nghề. Bổ sung: Kinh doanh bất động sản./.

4.2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Luật doanh nghiệp 2005, tuân thủ các quy định pháp luật khác và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý điều hành của Công ty được trình bày như sơ đồ dưới đây:

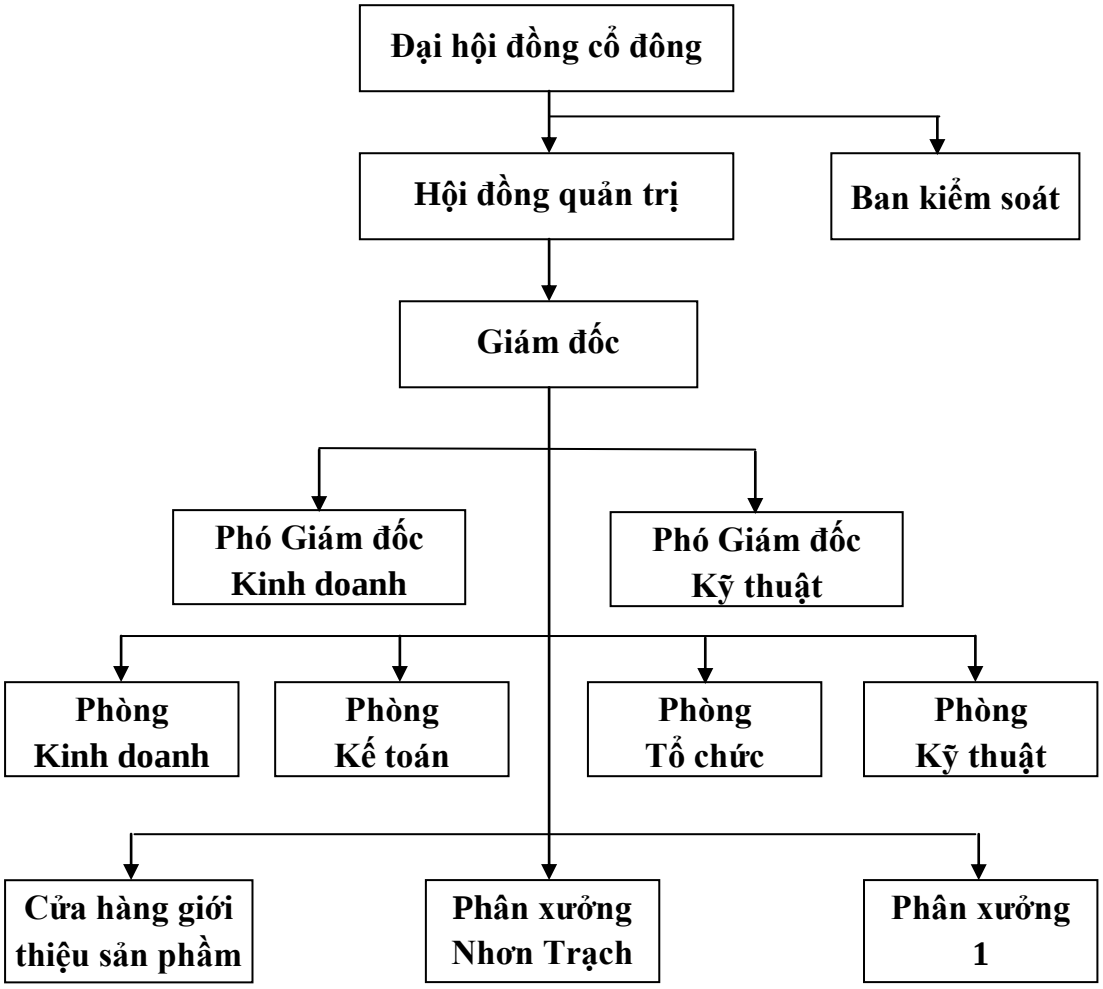

4.3. Diễn giải cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các phòng ban, bộ phận khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế, nội quy khác của Công ty. Cụ thể như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông**: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- **Hội đồng quản trị**: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị là 05 người, gồm 01 Chủ tịch và 04 ủy viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.

- **Ban kiểm soát**: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty. Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm *(Ghi chú: Từ ngày 15/05/2010 thì Ban kiểm soát của Công ty chỉ còn 02 thành viên, Bà Lê Thị Phương Dung đã từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát để nhận chức vụ Kế toán trưởng).*

- **Ban Giám đốc**: gồm 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc (Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật và Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh). Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- **Phòng Tổ chức**: có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về bộ máy sản xuất kinh doanh, và bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lí lịch của công nhân viên; quản lý lao động tiền lương; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy.

- **Phòng Kế toán**: có chức năng tổ chức bộ máy kế toán; quản lý vốn và tài sản; thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư; tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm.

- **Phòng Kỹ thuật**: Lập các phương pháp xây dựng định mức chỉ tiêu, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho từng loại sản phẩm; thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu về chất lượng, phổ biến các tiêu chuẩn và triển khai sản xuất theo tiêu chuẩn.

- **Phân Xưởng 1 và Phân Xưởng Nhơn Trạch**: sản xuất và cung cấp đầy đủ sản phẩm theo kế hoạch kinh doanh.

- **Cửa hàng giới thiệu sản phẩm**: Giới thiệu các sản phẩm do Công ty sản xuất.

4.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 15/10/2010; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

4.4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 15/10/2010

Số TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ Số ĐKKD	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
1	**Tổng Công ty Thép Việt Nam**, đại diện bởi:				
	Phan Văn Trúc	24/D5 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thanh, TP.HCM	023995116	7.874.500	40,06
	Nguyễn Văn Sáu	63G Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6, TP.HCM	022640117		
2	Phạm Thị Tuyết Loan	30 A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM	023145176	2.262.300	11,51
3	Nguyễn Hồng Lương	217 Lê Văn Sỹ , Phường 13, Quận 3, TP.HCM	022249283	1.493.800	7,60

4.4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ như sau:

Số TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ Số ĐKKD	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
1	**Đại diện vốn nhà nước**:				
	Phan Văn Trúc	24/D5 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thanh, TP.HCM	023995116	7.874.500	40,06
	Nguyễn Văn Sáu	63G Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6, TP.HCM	022640117		
2	Nguyễn Đình Minh	79H5 Âu Cơ, P. 14, Q. 11	023145176	7.600	0,04
3	Hà Cương Quyết	339A Phan Văn Hân, P. 17, Q. Bình Thạnh	022249283	3.000	0,02
4	Và 242 cổ đông khác			6.236.900	31,73

Ghi chú: *Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/06/2004, do đó đến thời điểm hiện tại đã hết hạn 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ theo Điều 84 Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội khoá 11 thông qua ngày 29/11/2005.*

4.4.3. Cơ cấu cổ đông Công ty ngày 15/10/2010

Đối tượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông trong nước	**1.965.440**	**19.654.400.000**	**100,00**
- Tổ chức	787.450	7.874.500.000	40,06
- Cá nhân	1.177.990	11.779.900.000	59,94
2. Cổ đông nước ngoài	**0**	**0**	**0,00**
- Tổ chức	0	0	0,00
- Cá nhân	0	0	0,00
Tổng cộng (1+2)	**1.965.440**	**19.654.400.000**	**100,00**

4.5. Hoạt động kinh doanh

4.5.1. Sản phẩm dịch vụ chính

Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây sản xuất các loại sản phẩm sau cán như sau:

- **Lưới rào thép mạ kẽm** và **lưới rào thép mạ kẽm bọc nhựa PVC** là mặt hàng truyền thống đã có hơn 30 năm của công ty, được sử dụng trong các công trình xây dựng, các trang trại, vườn cây ăn trái,... và đem lại hiệu quả cao cho khách hàng với chi phí thấp trong việc bảo vệ các công trình cũng như sự tiện lợi trong việc lắp đặt, thi công.

- **Dây thép gai** thích ứng với điều kiện thời tiết khắc khiệt nóng ẩm của khí hậu miền nhiệt đới. Sản phẩm đã được đăng ký đạt tiêu chuẩn TCVN 2053-1993.

- **Dây thép mạ kẽm** là một trong những mặt hàng đã được người tiêu dùng chấp nhận vì đã đạt được những tiêu chuẩn như: bề mặt dây sáng bóng, độ bền kéo về cơ lý tính đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN 2053-1993. Dây thép mạ kẽm của công ty đáp ứng được những điều kiện của khí hậu nhiệt đới nóng ẩm,... Ngoài ra, công ty còn cung ứng các loại dây theo yêu cầu của khách hàng như: dây mạ thép chất lượng cao có độ bền kéo cao, dây mạ chặt theo yêu cầu phục vụ công nghệ sản xuất bao bì, các sản phẩm ngành dây cáp điện...

- **Lưới rọ đá** chuyên dụng cho các công trình chống sạt lở, xói mòn, gia cố nền. Ngoài ra sản phẩm còn được ứng dụng trong các công trình thủy lợi (kè, kênh, hồ chứa...), giao thông (cầu đường, cảng...), dân dụng (xử lý gia cố nền, vùng cao, vùng sâu...), lấn biển,... Năm 2004 Công ty đã nhập về hệ thống dây chuyền sản xuất rọ đá theo công nghệ hiện đại đạt tiêu chuẩn Jis 3532 – class 2 của Nhật Bản.

- **Đinh thép** đóng gỗ với nhiều chủng loại như: đinh thị trường, đinh tiêu chuẩn, quy cách từ 03 - 10 cm.

Ngoài ra Công ty còn cung ứng các loại dây theo yêu cầu của khách hàng như: dây mạ thép chất lượng cao có độ bền kéo cao, dây mạ chặt phục vụ công nghệ sản xuất bao bì, các sản phẩm ngành dây cáp điện,...

Sản phẩm của Công ty trong nhiều năm qua đã được tiêu thụ mạnh ở hầu hết các tỉnh miền Trung và khu vực phía Nam, ngoài ra còn được xuất khẩu sang các nước như Lào, Campuchia,... Mọi sản phẩm xuất xưởng đều dán mác, tem chống hàng giả nhằm đảm bảo chất lượng, quyền lợi cho người tiêu dùng và uy tín của thương hiệu. Các sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng tín nhiệm và bình chọn là **"Hàng Việt Nam chất lượng cao"** liên tục trong nhiều năm liền.

4.5.1.1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: Tấn

Sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng đầu Năm 2010	
	Sản xuất	Tiêu thụ*	Sản xuất	Tiêu thụ*	Sản xuất	Tiêu thụ*
Sản phẩm chính:	***9.545,94***	***9.319,86***	***8.555,30***	***8.466,48***	5.061,41	5.155,88
- Lưới rào	4.180,78	4.081,46	5.073,16	5.148,10	2.996,78	2.862,6
- Lưới rào PVC	61,19	62,94	42,22	39,80	35,04	37,91
- Lưới rọ đá	97,35	90,60	42,96	50,51	85,35	92,35
- Kẽm gai	642,64	598,20	527,48	561,84	379,69	387,75
- Dây mạ kẽm	2.463,98	2.438,72	1.905,25	1.770,85	1.364,46	1.589,05
- Dây mạ kẽm bọc nhựa	15,00	12,74	1,04	1,52	6,89	1,01
- Dây thép sáng	400,86	342,38	345,32	264,60	125,46	111,79
- Dây nướng mềm	514,84	509,80	146,54	157,93	3,83	10,51
- Thép ngắn + Lưới hàn	1.169,30	1.183,02	471,33	471,33	63,91	62,91
Sản phẩm phụ:	***663,52***	***664,32***	***1.079,29***	***1.079,29***	801,94	801,94
- Lưới băng tải mạ	1,521	2,32	1,27	1,27	1,47	1,47
- Mạ gia công	662,0	662,0	1.078,02	1.078,02	800,47	800,47
Sản phẩm thép cán của Tổng Công ty Thép Việt Nam		***10.088,23***		***653,93***		***123,50***
Tổng cộng	**10.209,46**	**20.072,41**	**9.634,59**	**10.199,70**	**5.863,35**	**6.081,32**

* ***Ghi chú***: Trong đó xuất khẩu năm 2008 là 110 tấn, năm 2009 là 55 tấn, 9 tháng đầu năm 2010 là 95 tấn.

4.5.1.2. Cơ cấu doanh thu năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010

Doanh thu	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng đầu Năm 2010	
	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu
Doanh thu bán thành phẩm	150.451.184.877	51,41	116.447.151.143	91,61	78.794.046.643	93,15
Doanh thu bán hàng hóa	138.117.674.303	47,20	5.679.824.178	4,47	1.613.805.913	1,91
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.227.020.556	0,76	2.786.403.632	2,19	2.335.807.861	2,76
Doanh thu gia công, nhượng bán vật tư, phế liệu	1.848.344.782	0,63	2.204.020.591	1,73	1.848.468.138	2,19
Tổng cộng	**292.644.224.518**	**100,00**	**127.117.399.544**	**100,00**	**84.592.128.555**	**100,00**

4.5.1.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010

Lợi nhuận	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng đầu Năm 2010	
	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu thuần
Hoạt động sản xuất kinh doanh	-6.757.774.697	-	-3.162.427.688	-	-4.546.590.499	-
Hoạt động bán hàng hóa	1.655.083.041	0,57	-194.955.043	-	74.048.548	0,09
Hoạt động cho thuê mặt bằng	2.227.020.556	0,76	2.786.403.632	2,19	2.335.807.861	2,76
Hoạt động khác	-1.773.000.272	-	6.757.414.397	5,32	126.184.401	0,15
Tổng cộng	**-4.648.671.372**	**-**	**6.186.435.298**	**-**	**-2.010.549.689**	**-**

4.5.2. Nguyên vật liệu

4.5.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính để sản xuất của công ty được mua từ các nhà cung cấp có uy tín trên thị trường với chất lượng và nguồn cung ứng có tính ổn định cao. Danh sách một số nhà cung cấp chủ lực nguyên liệu chính cho công ty:

TT	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp	Địa chỉ
1	Thép khoanh	Tổng Công ty Thép Việt Nam	56 Thủ Khoa Huân, Quận 1 TP.HCM
2	Nhôm thỏi Kẽm thỏi Chì thỏi	Cty TNHH Thương mại Nguyên Hưng	681/8A Hậu Giang, Phường 11, Quận 6, TP.HCM
3	Kẽm thỏi	Công ty TNHH MS METAL	Lô B 108-109-110 Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, Đồng Nai
4	Axit clohidric	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai
5	Thép khoanh	CTCP Thép Biên Hòa	Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai
6	Thép ngắn Thép góc	CTCP Thép Nhà Bè	25 Nguyễn Văn Quỳ, Phường Phú Nhuận, Quận 7, TP.HCM

4.5.2.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Do được sản xuất từ những doanh nghiệp lớn, có sản lượng cung ứng dồi dào, nên nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu của Công ty khá ổn định. Ngoài ra, là đơn vị hoạt động lâu năm trên thị trường, có uy tín và sức tiêu thụ nguyên liệu lớn, nên Công ty có thuận lợi trong việc tìm kiếm các đối tác cung ứng nguyên liệu.

4.5.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Do Công ty có nguồn vốn kinh doanh nhỏ nên khó có thể dự trữ khối lượng lớn nguyên vật liệu cho sản xuất. Nguyên vật liệu trực tiếp, chiếm tỷ trọng từ 70% đến 80% tuỳ thuộc vào cơ cấu giá thành của từng loại sản phẩm của Công ty.

4.5.3. Chi phí sản xuất

So với các doanh nghiệp cùng ngành sản xuất, giá vốn hàng bán của Công ty thường cao hơn do Công ty luôn chú trọng sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, luôn tăng cường đầu tư cải tiến máy móc thiết bị,... Công ty thường theo dõi công tác sửa

chữa, kiểm tra việc thực hiện định mức vật tư nguyên liệu, đặc biệt chú trọng việc tiêu hao các nguyên vật liệu chính như thép, kẽm, chì để đảm bảo chất lượng dây mạ theo đúng qui định nhưng vẫn đảm bảo thực hiện các định mức vật tư kỹ thuật nhằm tiết kiệm vật tư.

Trong năm 2008, giá thép biến động mạnh, hoạt động mua bán thép sôi động nên doanh thu hàng hóa của Công ty rất cao. Hoạt động kinh doanh hàng hóa chủ yếu là mua thép tại kho người bán rồi chở tới kho bên mua, Công ty hưởng chênh lệch giá nên chi phí nguyên vật liệu năm 2008 chủ yếu là chi phí sản xuất chiếm tỷ lệ chỉ 48,04% trên doanh thu. Sang năm 2009 và 9 tháng đầu năm 2010, hoạt động kinh doanh hàng hóa không phát sinh nhiều nên doanh thu hàng hóa giảm mạnh. Chi phí nguyên vật liệu năm 2009 và 9 tháng đầu năm 2010 chủ yếu là chi phí sản xuất hàng chính phẩm chiếm tỷ trọng khoảng 77% .

Bảng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố năm 2008, 2009 và 9 tháng đầu năm 2010:

Khoản mục chi phí	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng đầu Năm 2010	
	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ % trên doanh thu
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.591.218.992	48,04	97.853.564.697	76,98	65.170.740.991	77,04
Chi phí nhân công	12.706.286.488	4,34	10.941.072.459	8,61	8.654.604.702	10,23
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.078.665.189	1,05	2.452.758.144	1,93	2.510.694.809	2,97
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.676.854.657	2,28	8.423.944.851	6,63	6.653.323.198	7,87
Chi phí khác	2.318.972.313	0,79	2.849.668.585	2,24	1.346.968.543	1,59
Tổng cộng	**165.371.997.639**	**56,51**	**122.521.008.736**	**96,38**	**84.336.332.243**	**99,70**

4.5.4. Trình độ công nghệ

Các sản phẩm của Công ty được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm với vật tư mạ cao cấp đạt chất lượng cao về công nghệ, chịu được thời tiết nóng ẩm của vùng khí hậu nhiệt đới, luôn đảm bảo thông số kỹ thuật, đúng quy cách và tiêu chuẩn quốc tế.

Ngoài ra Công ty thường tham gia huấn luyện nâng bậc cho công nhân công nghệ và đào tạo bước đầu cho công nhân mới tuyển.

4.5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với dây chuyền sản xuất sản phẩm mới có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn sử dụng trong chế tạo cáp điện. Vừa qua công ty thành lập "Ban nghiên cứu thị trường lõi cáp thép" để từng bước đẩy mạnh tiếp thị đưa sản phẩm mới ra thị trường.

4.5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty luôn theo dõi công tác sửa chữa thường xuyên, kiểm tra việc thực hiện định mức vật tư nguyên liệu, đặc biệt chú trọng việc tiêu hao các nguyên vật liệu chính như thép, kẽm, chì, nhôm ... để đảm bảo chất lượng sản phẩm dây mạ theo đúng quy định nhưng vẫn đảm bảo thực hiện các định mức vật tư, kỹ thuật nhằm tiết kiệm vật tư, bảo đảm việc cung ứng cho cộng đồng và xã hội những sản phẩm tốt và an toàn. Đơn vị cũng được công nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 vào năm 2002.

4.5.7. Hoạt động tiếp thị

Công ty hiện có đội ngũ tiếp thị thuộc Phòng kinh doanh chủ động tìm kiếm khách hàng.

4.5.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

4.5.8.1. Hợp đồng mua nguyên vật liệu

TT	Số hợp đồng	Trị giá	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
01	13/2010/HĐTC-VNS	20 tỷ đồng	01/01/2010 - 31/12/2010	Thép cuộn các loại	Tổng Công ty Thép Việt Nam
02	208/HĐKT-BH	5,308 tỷ đồng	30/04/2010	Thép cuộn các loại	Công ty CP Thép Biên Hoà
03	38/2010/HĐMB-CNKKLA	1,38 tỷ đồng	17/05/2010	Thép dây cán nóng	CN Công ty CP Kim khí Long An
04	11/10HĐ/2010	505 triệu đồng	11/10/2010	Kẽm thỏi	Công ty TNHH MS METAL
05	13/2010/NH-BT	920 triệu đồng	07/06/2010	Kẽm thỏi	Công ty TNHH TM Nguyên Hưng
06	014/HĐKT-2010	2,7038 tỷ đồng	08/10/2010	Dây thép	Công ty TNHH TM & SX CN Nguyễn Tính
07	01 KTCP – BT/2010	1,365 tỷ đồng	22/10/2010	Thép cuộn	Công ty CP Kim Tín

4.5.8.2. Hợp đồng cung cấp sản phẩm

TT	Số hợp đồng	Trị giá	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác
01	18/10/HĐTC	1,4 tỷ đồng	24/02/2010-24/02/2011	Mạ, Lưới	DNTN Ba Nhật
02	42/10/HĐMB	25.000 USD	06/04/2010-10/06/2010	Mạ XK	Công ty Chipmong
03	25/10/HĐTTSP	13,2 tỷ đồng	11/03/2010-31/12/2010	Lưới Mạ	Công ty TNHH Trương Hoàng Phúc
04	101/10/ HĐMB	122 triệu đồng	22/09/2010	Mạ	CTCP Địa ốc – Cáp điện Thịnh Phát
05	32/10/HĐMB	183 triệu đồng/lô	26/03/2010	Kẽm gai	CTCP Đại Nam
06	01/10/HĐTTSP	12 tỷ đồng	01/01/2010-31/12/2010	Lưới, Mạ, Kẽm gai	CT XNK Hùng Duy

4.5.9. Kế hoạch phát triển kinh doanh

- Kết hợp Tổng Công ty Thép Việt Nam, Viện Luyện kim, Công ty cổ phần Thép Biên Hòa nghiên cứu sản xuất thép chất lượng cao AC dùng cho lõi dây cáp điện và cáp thép.

- Tăng cường tiêu thụ sản phẩm thép cán của Công ty Thép Miền Nam và 1 số sản phẩm khác của các liên doanh.

- Chuyển đổi công năng một số khu đất hiện hữu của Công ty tại nội thành TP.HCM thành cao ốc văn phòng cho thuê, chung cư,...

4.6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 – 2009 và 9 tháng đầu năm 2010

4.6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 – 2009 và 9 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm	9 tháng đầu Năm 2010
Tổng giá trị tài sản	42.688.331.309	57.369.299.533	+34,39	48.932.704.968
Doanh thu thuần	292.644.224.518	127.117.399.544	-56,56	84.520.146.972
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-4.652.129.116	1.725.358.376	+137,09	-1.900.990.445
Lợi nhuận khác	3.457.744	4.461.076.922	+128.916,98	-109.559.245
Lợi nhuận trước thuế	-4.648.671.372	6.186.435.298	+233,08	-2.010.549.690
Lợi nhuận sau thuế	-4.648.671.372	5.843.022.191	+225,69	-2.010.549.690
Thu nhập trên một cổ phiếu	-23.652	29.729	+225,69	-10.230
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	18,80%	+18,80%	

Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2009:

"Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần lưới thép Bình Tây tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh

và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính thuyết minh số VI.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận khoản thu hỗ trợ, đền bù để bàn giao mặt bằng theo hợp đồng Liên Doanh số 113/HĐLD-2009 về việc thành lập công ty cổ phần thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình nhà chung cư Sông Hồng – Bình Tây với số tiền là 4.761.904.762 VND. Tuy nhiên khoản thu nhập này chưa chắc chắn bởi vì theo thỏa thuận của hợp đồng các bên liên doanh có nghĩa vụ hoàn trả những gì đã nhận nếu Dự án không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt."

4.6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008 - 2009 và 9 tháng đầu năm 2010:

Trong 2 năm 2008 - 2009 vừa qua, Công ty vừa giữ vững sản xuất, vừa phải di dời, vốn hoạt động có hạn, chủ yếu là đi vay và mua hàng trả chậm của Tổng Công ty Thép Việt Nam. Bên cạnh đó giá cả thị trường không ổn định đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà nhiều doanh nghiệp trong nước cũng gặp phải. Ngoài ra thép Trung Quốc giá rẻ nhập vào Việt Nam làm việc tiêu thụ giảm rất nhiều.

Năm 2008, Công ty vừa sản xuất vừa phải từng bước lắp đặt thiết bị mới di dời lên Khu công nghiệp Nhơn Trạch. Đồng thời phải đảm bảo công tác sản xuất của bộ phận còn lại tại TP.HCM nên đôi lúc công tác sản xuất không đồng bộ và nhịp nhàng. Kết quả sản xuất chỉ đạt 10.209,46 tấn sản phẩm (đạt 60,06% kế hoạch năm là 17.000 tấn và bằng 69,6% của năm 2007).

Đến năm 2009 vẫn gặp phải nhiều khó khăn do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 để lại, nên kết quả sản xuất năm 2009 thấp hơn mọi năm, chỉ đạt 9.632,50 tấn sản phẩm (bằng 94,35% của năm 2008 và chỉ đạt 74,1% kế hoạch là 13.000 tấn). Lợi nhuận chủ yếu trong năm 2009 là do Công ty nhận được khoản chi hỗ trợ, đền bù để bàn giao mặt bằng theo hợp đồng Liên doanh số 113/HĐLD-2009 về việc thành lập công ty cổ phần thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình nhà chung cư Sông Hồng – Bình Tây với số tiền là 5.000.000.000 đồng.

Trước năm 2010, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với thuế giá trị gia tăng là 5%. Từ đầu năm 2010, Công ty không còn được hưởng ưu đãi và phải chịu thuế giá trị gia tăng 10% cho tất cả sản phẩm đầu ra của Công ty, vì thế giá các sản phẩm của Công ty trở nên cao hơn so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường từ

1.800.000 đồng - 2.200.000 đồng/tấn, ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh. Sản lượng tiêu thụ sụt giảm đáng kể so với các năm trước.

Ngoài ra, khi di dời về Khu công nghiệp, thời gian đầu Công ty phải đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị nên chi phí phát sinh lớn. Công ty đã cố gắng giảm thiểu các khoản chi phí, tiết kiệm với mức tối thiểu để giảm chi phí đầu vào; tìm nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cả hợp lý nằm làm giảm chi phí đầu vào.

Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của Công ty trong thời gian qua:

4.6.2.1. Thuận lợi:

- Sản phẩm của Công ty có uy tín trên thị trường, đã được khách hàng biết và chấp nhận.

- Công ty được nhà cung cấp nguyên vật liệu chính là Tổng Công ty Thép Việt Nam hỗ trợ tín dụng 20 tỷ đồng với thời hạn thanh toán 45 ngày.

4.6.2.2. Khó khăn:

- Do suy thoái kinh tế thế giới, nên thép giá rẻ đã tràn vào Việt Nam từ một số nước trong khu vực (giá thấp hơn của Tổng Công ty Thép Việt Nam từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/tấn). Ngoài ra, các loại dây tôn từ nguồn thép phế liệu xuất hiện nhiều bán với giá rẻ hơn thép chính phẩm từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng/tấn.

- Mặt bằng nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch chưa triển khai hết, mới chỉ có một dàn mạ (dàn mạ Trung Quốc mới hoạt động vào tháng 11/2009). Tất cả các khâu kéo, mạ, dệt lưới và cơ điện đều nằm chung trong cùng một xưởng, làm hạn chế năng lực của các khâu. Đồng thời, môi trường mạ có hơi acid nằm chung với các khâu khác làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm cũng như tuổi thọ của thiết bị.

- Công ty có nguồn vốn ít nên không thể dự trữ nguyên liệu nhiều.

- Do địa điểm làm việc xa thành phố, công nhân có tay nghề xin nghỉ việc nhiều. Các công nhân nghỉ việc đều là những người làm việc lâu năm nên mức chi phí trợ cấp thôi việc khá cao. Riêng từ đầu năm đến tháng 9 năm 2010, tổng số tiền trợ cấp thôi việc đã lên đến gần 700 triệu đồng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho chi phí quản lý của Công ty tăng cao hơn so với các năm trước.

- Trong năm 2010, giá thép trên thị trường biến động thất thường. Giá tăng cao liên tục rồi bất ngờ giảm mạnh. Điều đó khiến cho lượng hàng tồn kho của công ty lớn, cộng với lãi suất trên thị trường tăng cao, làm cho chi phí sử dụng vốn vay cao hơn các năm trước.

4.7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

4.7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Với hơn 30 năm kinh nghiệm, Công ty Lưới thép Bình Tây là doanh ngiệp đầu tiên của Việt Nam chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: lưới rào B40, dây thép gai, dây mạ, lưới rọ đá, lưới thép hàn, và các sản phẩm theo đơn đặt hàng khác. Sản phẩm của công ty được người tiêu dùng chấp nhận vì đạt được những tiêu chuẩn như: bề mặt sáng bóng, độ bền kéo về cơ lý tính đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN 2053-1993, đáp ứng được những điều kiện của khí hậu nhiệt đới nóng ẩm...

4.7.2 Triển vọng phát triển của Công ty

Lưới kim loại là một trong những sản phẩm quan trọng, được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành kinh tế quốc dân như giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, dầu khí, đóng tàu, hoá chất, chăn nuôi, thuỷ sản, lâm nghiệp, du lịch, đời sống dân sinh, phát triển hạ tầng cơ sở, v.v.. Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và phát triển đất nước nên lưới kim loại được sử dụng ngày một nhiều. Bởi vậy, việc sản xuất, phát triển ứng dụng của lưới kim loại là một yêu cầu khách quan, có ý nghĩa thiết thực. Ngoài Vidothep, hiện ở Việt Nam mới chỉ có một số nhà máy sản xuất mặt hàng này như Nhà máy lưới thép Việt Đức (khu công nghiệp An Khánh, Hà Tây); Nhà máy lưới thép Vân Thái – Vinashin (khu công nghiệp Lai Vu, Hải Dương); Công ty lưới thép hàn VRC; Công ty sản xuất và kinh doanh kim khí Ptramesco;... nhưng quy mô các nhà máy này đều nhỏ bé, sản phẩm hàng hoá chưa đa dạng, chưa đáp ứng được các nhu cầu của thị trường.

Trong những năm mở cửa, kinh tế Việt Nam phát triển đều đặn, vững chắc và nhanh chóng với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm xấp xỉ 7%. Kinh tế ngày càng phát triển nên nhu cầu về lưới kim loại cho các ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp tàu thuỷ, hoá chất, giao thông, xây dựng, cảnh quan đô thị và cả trong đời sống dân sinh là rất lớn và có độ tăng trưởng hằng năm khoảng 16 - 22%. Trong điều kiện hiện nay, cung vẫn chưa đủ cho cầu khi mà nền kinh tế phát triển, lưới kim loại có rất nhiều ứng dụng, rất nhiều ngành đều cần các sản phẩm này, đặc biệt là giao thông và xây dựng.

4.8. Chính sách đối với người lao động

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chăm lo tốt các hoạt động phong trào, công tác đoàn thể, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên.

Tại thời điểm **30/09/2010**, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là **181 người**.

* *Phân loại theo trình độ*

- Đại học và Cao đẳng : 36 người.
- Trung cấp : 10 người.
- Sơ cấp : 135 người.

* *Phân loại theo hoạt động*

- Trực tiếp : 145 người
- Gián tiếp : 36 người

* *Phân loại theo giới tính*

- Nam : 155 người
- Nữ : 26 người

4.9. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của từng năm.

Tình hình phân phối cổ tức 2 năm gần nhất:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2008	Năm 2009
1	Vốn điều lệ	Đồng	19.654.400.000	19.654.400.000
2	Số lượng cổ phiếu**	Cổ phiếu	1.965.440	1.965.440
3	Tỷ lệ cổ tức (tính trên mệnh giá)	%	-	5,59%
4	Cổ tức (tính trên mỗi cổ phần)	Đồng	-	559

** ***Ghi chú:*** *Số lượng cổ phiếu năm 2008 là 196.544 cổ phần với mệnh giá là 100.000 đồng, đã được quy đổi về mệnh giá 10.000 đồng để so sánh theo bảng trên.*

4.10. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

4.10.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm 2008 - 2009

4.10.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định:

- Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	10

- Tài sản cố định vô hình:

Phần mềm máy tính: là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 12 tháng.

4.10.1.2. Mức lương bình quân:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm
1	Số cán bộ công nhân viên bình quân	250	230	-8,00
2	Tổng quỹ lương (nghìn đồng)	9.469.540	10.838.487	+14,45
3	Thu nhập bình quân (đồng/tháng)	3.845.890	4.100.000	+6,61

4.10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

4.10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, các loại thuế khác theo quy định của Nhà nước.

4.10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành, theo đó:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: dùng để khen thưởng cho người lao động có thành tích như có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có năng suất lao động cao... và khen thưởng cuối năm, cuối quý. Phần phúc lợi dùng để chi trợ cấp khó khăn, nghỉ mát, phong trào văn hoá văn nghệ…

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	% tăng giảm	30/09/2010
1	Quỹ đầu tư phát triển	1.543.856.725	1.543.856.725	-	1.543.856.725
2	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	109.217.769	26.467.369	-75,77	6.018.670

4.10.1.6. Tổng dư nợ vay:

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	% tăng giảm	30/09/2010
1	Vay ngắn hạn dưới 1năm	1.996.000.000	1.340.493.700	-32,84	486.696.700
2	Vay dài hạn trên 1 năm	1.907.038.681	4.724.706.155	+147,75	4.724.706.155

Chi tiết gồm các khoản vay:

1. Khoản vay dài hạn VND của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng vay số 00310/2006/0001452 ngày 27/06/2006.

- Số tiền vay ban đầu: 3.516.250.255 đồng.
- Mục đích vay: dùng để đầu tư cho dự án di dời Công ty ra Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2 (Đồng Nai).
- Lãi suất: lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 24 tháng (trả lãi sau) + 2,8%/năm.
- Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.
- Đã trả nợ gốc đến 30/09/2010: 3.100.000.000 đồng
- Sang Quý 4/2010 trả nợ gốc: 175.000.000 đồng
- Phần còn lại sẽ trả dứt điểm vào Quý 1 và 2/2011: 241.250.255 đồng.

2. Khoản vay dài hạn USD của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng vay Số 05/2009/1219730 ngày 02/03/2009.

- Số tiền vay ban đầu: 285.600 USD.
- Mục đích vay: thanh toán thiết bị mạ dây.
- Lãi suất: lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân 24 tháng (trả lãi sau) + 3%/năm.
- Thời hạn vay: 60 tháng
- Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

4.10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	% tăng giảm	30/09/2010
1	Tổng số nợ phải thu	9.611.043.928	6.194.004.978	-35,55	5.723.196.575
2	Tổng số nợ phải trả	21.017.528.187	29.938.224.620	+42,44	24.744.997.933

4.10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
* Hệ số thanh toán ngắn hạn		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,39	1,18
* Hệ số thanh toán nhanh:		
TSLĐ - Hàng tồn kho / *Nợ ngắn hạn*	0,77	0,37
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
* Hệ số Nợ/Tổng tài sản	49,23	52,19
* Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	97,48	109,25
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
* Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán / *Hàng tồn kho bình quân*	25,82	7,35
* Doanh thu thuần/Tổng tài sản	6,86	2,22
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
* Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	4,60
* Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	-	21,32
* Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	-	10,18
* Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	1,36

Ghi chú: Do năm 2008 bị lỗ nên không tính toán các chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

4.11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

4.11.1. Hội đồng quản trị

4.11.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị PHAN VĂN TRÚC

- Giới tính: *Nam*
- Ngày tháng năm sinh: *10/06/1955*
- Nơi sinh: *huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Bắc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình*
- Địa chỉ thường trú: *24 D5 Điện Biên Phủ, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 3823.8697*
- Trình độ văn hoá: *10/10*
- Trình độ chuyên môn: *Đại học Kinh tế*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 2002 – 2006: Ủy viên HĐQT CTCP Lưới thép Sài Gòn, CTCP Lưới thép Bình Tây, Trưởng Phòng Tổ chức hành chính Công ty Thép Miền Nam*
  + *Từ 2007 - nay: Phó Trưởng Phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Thép Việt Nam, Chủ tịch HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Phó Trưởng Phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Thép Việt Nam, Chủ tịch HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *789.060 cổ phần (bao gồm 787.450 cổ phần đại diện vốn nhà nước và 1.610 cổ phần sở hữu cá nhân)*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.11.1.2. Ủy viên Hội đồng quản trị NGUYỄN VĂN SÁU

- Giới tính: *Nam*
- Ngày tháng năm sinh: *12/10/1958*
- Nơi sinh: *Nghệ An*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Mỹ Thành, Yên Thành, Nghệ An*
- Địa chỉ thường trú: *63G Lý Chiêu Hoàng, Phường 10, Quận 6, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 3865.3581*
- Trình độ văn hoá: *10/10*
- Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư luyện kim*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 1983 - 1992: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Nhà máy Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 1993 - 1994: Phó Phòng Kỹ thuật Nhà máy Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 1994 - 2001: Trưởng Phòng Kỹ thuật Nhà máy Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 2002 - 2004: Giám đốc CTCP Lưới thép Sài Gòn*
  + *Từ 2005 - nay: Giám đốc CTCP Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 2007 - nay: Ủy viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Giám đốc CTCP Lưới thép Bình Tây, Uỷ viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *20.850 cổ phần*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.11.1.3. Ủy viên Hội đồng quản trị PHẠM THỊ TUYẾT LOAN

- Giới tính: *Nữ*
- Ngày tháng năm sinh: *01/12/1962*
- Nơi sinh: *Hà Nội*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Hải Dương*
- Địa chỉ thường trú: *33 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 3929.2233*
- Trình độ văn hoá: *10/10*
- Trình độ chuyên môn: *Đại học Kinh tế*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 1986 - 1990: Kế toán Nhà máy Ba Son*
  + *Từ 1990 - nay: Giám đốc Công ty Sơn Loan, Phó Giám đốc Công ty Huyndai Vina Moto Trường An*
  + *Từ 2008 - nay: Uỷ viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Giám đốc Công ty Sơn Loan. Phó Giám đốc Công ty Huyndai Vina Moto Trường An, Uỷ viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *226.230 cổ phần*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.11.1.4. Ủy viên Hội đồng quản trị NGUYỄN HỒNG LƯƠNG

- Giới tính: *Nam*
- Ngày tháng năm sinh: *14/10/1970*
- Nơi sinh: *Mê Linh, Hà Nội*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Bình Định*
- Địa chỉ thường trú: *217 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận 3, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 3865.3581*
- Trình độ văn hoá: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Đại học Ngân hàng*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 1994 - 1996: Phó Giám đốc Công ty kinh doanh nhà Hồng Việt*
  + *Từ 1997 - 2000: Công ty kinh doanh thang máy TP.HCM*
  + *Từ 2001 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cát Linh*
  + *Từ 2008 - nay: Uỷ viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Chủ tịch HĐQT CTCP Cát Linh, Uỷ viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *149.380 cổ phần*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.11.1.5. Ủy viên Hội đồng quản trị HÀ CƯƠNG QUYẾT

- Giới tính: *Nam*
- Ngày tháng năm sinh: *13/08/1952*
- Nơi sinh: *Vĩnh Phú*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Vĩnh Phú*
- Địa chỉ thường trú: *54 Bis Nguyễn Bỉnh Khiêm, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 3873.2356*
- Trình độ văn hoá: *10/10*
- Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư lò và tự động hoá*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 08/1998 đến 06/2003: Giám đốc Nhà máy thép Biên Hoà*
  + *Từ 07/2003 đến 06/2007: Giám đốc Nhà máy thép Thủ Đức*
  + *Từ 07/2004 đến 11/2007: Giám đốc Nhà máy thép Thủ Đức, Uỷ viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 12/2007 đến nay: Giám đốc CTCP Thép Nhà Bè, Uỷ viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Giám đốc CTCP Thép Nhà Bè, Uỷ viên HĐQT CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *1.460 cổ phần*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.11.2. Ban Giám đốc

4.11.2.1. Giám đốc NGUYỄN VĂN SÁU (Xem mục 4.11.1.2)

4.11.2.2. Phó Giám đốc NGUYỄN KHẮC HÙNG

- Giới tính: *Nam*
- Ngày tháng năm sinh: *08/02/1970*
- Nơi sinh: *Hải Phòng*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Bình Định*
- Địa chỉ thường trú: *95/10 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 3865.3581*
- Trình độ văn hoá: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư Cơ khí; Kỹ sư Xây dựng*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 1999 đến 06/2004: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Nhà máy Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 07/2004 đến 04/2008 Trưởng Phòng Kỹ thuật CTCP Lưới thép Bình Tây.*
  + *Từ 05/2008 – nay Phó Giám đốc Kỹ thuật CTCP Lưới thép Bình Tây.*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Phó Giám đốc CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *00 cổ phần*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.11.2.3. Phó Giám đốc BÙI HẮC HẢI

- Giới tính: *Nam*
- Ngày tháng năm sinh: *04/04/1957*
- Nơi sinh: *Hải Phòng*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Ninh Bình*
- Địa chỉ thường trú: *23/1/3 Đường số 4, Phường 10, Q. Gò Vấp, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 3865.3581*
- Trình độ văn hoá: *10/10*
- Trình độ chuyên môn: *Kỹ sư Cơ khí*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 06/85 - 05/1996: Đốc công Phân xưởng 4 Nhà máy Lưới thép Bình Tây.*
  + *Từ 06/1996 - 09/1999: Kỹ sư, Đốc công Phân xưởng 4 Nhà máy Lưới thép Bình Tây*
  + *10/1999 - 11/2003: Phó Quản đốc Phân xưởng 4 Nhà máy Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 12/2003 - 12/2004: Phó Giám đốc CTCP Lưới thép Sài Gòn*
  + *Từ 01/2005 - nay: Phó Giám đốc CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Phó Giám đốc CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *1.370 cổ phần*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.11.3. Ban Kiểm soát

4.11.3.1. Trưởng Ban kiểm soát ĐỖ THỊ LONG CHÂU

- Giới tính: *Nữ*
- Ngày tháng năm sinh: *21/08/1978*
- Nơi sinh: *TP. HCM*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Hà Nam*
- Địa chỉ thường trú: *18 Sơn Cang, Phường 12, Q. Tân Bình, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 3829.1539*
- Trình độ văn hoá: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Cử nhân Đại học Kinh tế (Ngành Tài chính Doanh nghiệp)*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 2000 - nay: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Thép Việt Nam.*
  + *Từ 2007 – 4/2010: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP thép Thủ Đức, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 05/2010 - nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Thép Việt Nam, Trưởng Ban Ban kiểm soát CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *00 cổ phần*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.11.3.2. Thành viên Ban kiểm soát NGUYỄN QUỐC ANH HẢI

- Giới tính: *Nam*
- Ngày tháng năm sinh: *16/05/1967*
- Nơi sinh: *Thừa Thiên Huế*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Thừa Thiên Huế*
- Địa chỉ thường trú: *83/509E Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 2213.4252*
- Trình độ văn hoá: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Cử nhân Đại học Kinh tế - Ngành Tài chính Doanh nghiệp*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 1993 - 1995: CN viên Quốc Phòng, Cục KT, Quân Khu 7*
  + *Từ 1995 - 12/2000: Thủ kho Nhà máy Thép Tân Thuận - Công ty Thép Miền Nam*
  + *Từ 12/2000 - 05/2007: Phó Phòng Kế hoạch vật tư - Nhà máy Thép Tân Thuận*
  + *Từ 06/2007 - nay: Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh - CTCP Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 5/2010 - nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh - CTCP Lưới thép Bình Tây, Thành viên Ban kiểm soát CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *100 cổ phần*
- Những người có liên quan:

TT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Quốc Anh Dũng	Anh ruột	100

4.11.4. Kế toán trưởng: LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG

- Giới tính: *Nữ*
- Ngày tháng năm sinh: *31/03/1975*
- Nơi sinh: *Thái Nguyên*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Hà Nội*
- Địa chỉ thường trú: *171A Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP.HCM*
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: *(08) 2213.4252*
- Trình độ văn hoá: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Cử nhân Đại học Kinh tế (Ngành Tài chính Doanh nghiệp)*
- Quá trình công tác:
  + *Từ 11/1997 - 07/2008: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán CTCP Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 03/2008 - 05/2010: Ủy viên Ban kiểm soát CTCP Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 07/2008 - 05/2010: Phó Phòng Tài chính Kế toán CTCP Lưới thép Bình Tây*
  + *Từ 05/2010 - nay: Trưởng Phòng Tài chính Kế toán CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Chức vụ công tác hiện nay: *Trưởng Phòng Tài chính Kế toán CTCP Lưới thép Bình Tây*
- Hành vi vi phạm pháp luật: *Không*
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ: *11.730 cổ phần*
- Những người có liên quan: *00 cổ phần*

4.12. Tài sản

4.12.1. Tình hình tài sản cố định năm 2009

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.190.641.517	17.077.646.952	2.808.168.616	285.237.560	38.791.667	34.400.486.312
Mua trong năm	2.457.701.228	-	1.243.019.679	-	-	3.700.720.907
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.979.023.626	10.072.380.715	-	-	-	13.051.404.341
Thanh lý, nhượng bán	(2.602.880.000)	-	(262.169.700)	-	-	(2.865.049.700)
Số cuối năm	**17.024.486.371**	**27.150.027.667**	**3.789.018.595**	**285.237.560**	**38.791.667**	**48.287.561.860**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.516.232.118	2.849.849.598	784.626.009	192.746.360	-	6.343.454.085
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.053.791.011	12.069.767.761	1.760.878.523	237.821.221	22.089.702	21.144.348.218
Khấu hao trong năm	700.255.073	1.463.633.314	255.261.946	18.823.423	3.232.638	2.441.206.394
Thanh lý, nhượng bán	(2.602.880.000)	-	(262.169.700)	-	-	(2.865.049.700)
Số cuối năm	**5.151.166.084**	**13.533.401.075**	**1.753.970.769**	**256.644.644**	**25.322.340**	**20.720.504.912**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.136.850.506	5.007.879.191	1.047.290.093	47.416.339	16.701.965	13.256.138.094
Số cuối năm	**11.873.320.287**	**13.616.626.592**	**2.035.047.826**	**28.592.916**	**13.469.327**	**27.567.056.948**

4.12.2. Đất đai

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Diện tích sàn	Tình trạng
1	Trụ sở chính và Phân Xưởng 1	117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Q.Tân Phú, TP.HCM	13.016 m^2	- Thuê đất hàng năm. - Tiền thuê đất năm 2010 *(khu đất 6.811 m^2 + 13.016 m^2)*: 769.811.250 đồng. - Đã ký Hợp đồng Liên doanh số 01/ 2007-HDLD Công ty Cát Linh và Công ty Duy Tân về việc thành lập công ty cổ phần thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trung tâm thương mại và chung cư cao cấp Steel Cali.
	Phân Xưởng 4 (đã nhập vào Phân Xưởng 1)	176/26 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM	6.811m^2	- UBND TP.HCM đã có Quyết định thu hồi mặt bằng để giao UBND quận Tân Phú lập dự án đầu tư xây dựng trường học. Công ty hiện đang sử dụng để cho nhà hàng và một số cơ sở sản xuất thuê mặt bằng.

2	Phân Xưởng 3 (đã nhập vào Phân Xưởng 1)	165/5 Nguyễn Văn Luông, Phường 10 Quận 6, TP.HCM	4.082 m^2	- Thuê đất hàng năm. - Tiền thuê đất năm 2010: 134.093.700 đồng - Đã ký hợp đồng Liên doanh số 113/HĐLD-2009 về việc thành lập công ty cổ phần thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Chung cư Sông Hồng - Bình Tây. Công ty đã nhận 5 tỷ tiền hỗ trợ di dời từ đối tác năm 2009 nhưng chưa giao mặt bằng. - Công ty hiện đang sử dụng để cho một số cơ sở sản xuất thuê mặt bằng.
3		660 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP.HCM	3.072 m^2	- Công ty đã bàn giao mặt bằng cho UBND quận 6 xây dựng trường học.
4	Kế hoạch làm Văn phòng và Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	792 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP.HCM	1.141 m^2	- Thuê đất hàng năm. - Tiền thuê đất năm 2010: 77.017.500 đồng - Công ty hiện đang sử dụng để cho một số cơ sở sản xuất thuê mặt bằng.
5	Phân Xưởng Nhơn Trạch	Lô số 7, đường 5C Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, tỉnh Đồng Nai	22.600 m^2	Đã ký Hợp đồng thuê lại đất số 246/HĐ-TLD ngày 13/12/2005 với Cty xây dựng dân dụng số 2: - Thời hạn thuê đất: 42 năm, từ ngày 28/10/2005 - 28/10/2047 - Giá thuê đất và phí sử dụng hạ tầng: + Từ năm 1 – năm thứ 5: thuê đất thô 0,09 USD/m^2/năm + thuê hạ tầng 1,45 USD/m^2/năm. + Từ năm thứ 6 trở đi: thuê đất thô 0,09 USD/m^2/năm + thuê hạ tầng 1,01 USD/m^2/năm. - Giá thuê đất thô (0,09 USD/m^2/năm) có thể điều chỉnh 5 năm/lần nhưng mỗi lần điều chỉnh không quá 15%. - Giá thuê hạ tầng không thay đổi trong suốt thời gian hiệu lực hợp đồng
6	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	390 m^2	Mượn của Bà Nguyễn Thị Hà: - Thời hạn mượn: Từ 01/01/2010 – 31/12/2015.

4.13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2010

4.13.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Năm 2010, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn do Nhà nước sẽ không còn chính sách bảo hộ đối với thép trong nước, sự cạnh tranh về giá thép và vật tư nguyên liệu tăng cao, việc di dời lên Khu Công nghiệp Nhơn Trạch vẫn còn nhiều khó khăn,...

Mặc dù kết quả kinh doanh đến hết Quý 3 năm 2010 của Công ty vẫn lỗ trên 2 tỷ đồng, tuy nhiên kế hoạch năm 2010 chắc chắn vẫn đạt kế hoạch do Công ty sẽ nhận khoản chi hỗ trợ, đền bù để bàn giao mặt bằng theo hợp đồng liên doanh số 01/2007/HDLD với Công ty Cát Linh và Công ty Duy Tân về việc thành lập công ty cổ phần thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trung tâm thương mại và chung cư cao cấp Steel Cali với số tiền là 5 tỷ đồng trong Quý 4 năm 2010.

Chỉ tiêu	Năm 2010	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2009
Vốn Điều lệ	19.654.400.000 đồng	0,00%
Doanh thu thuần	122.000.000.000 đồng	-4,03%
Lợi nhuận sau thuế	3.000.000.000 đồng	-48,66%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,46%	-2,14%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,00%	-11,32%
Cổ tức	5,00%	-0,59%

4.13.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010

Căn cứ vào tình hình thị trường và năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: Tấn

Sản phẩm sản xuất	Năm 2010	% tăng giảm so với năm 2009
Sản phẩm chính:	***6.921,1***	***-19,1***
- Lưới rào	3.700	-27,07
- Lưới rào PVC	50	+18,43
- Lưới rọ đá	105	+144,4
- Kẽm gai	490	-7,1

- Dây mạ kẽm	2.200	+15,4
- Dây mạ kẽm bọc nhựa	1,1	+100
- Dây thép sáng	180	-47,87
- Dây nướng mềm	25	-82,94
- Thép ngắn + Lưới hàn	170	-63,93
Sản phẩm phụ:	***902***	***-16,43***
- Lưới băng tải mạ	2	+57,48
- Mạ gia công	900	-16,51
Tổng cộng	**7.823,1**	**-18,79**

Để thực hiện tốt kế hoạch trên, Công ty đề ra những giải pháp và kế hoạch thực hiện như sau:

- Về sản xuất kinh doanh:

+ Bố trí lại mặt bằng sản xuất nhằm tạo điều kiện cho công nghệ sản xuất của Công ty được hoàn thiện hơn.

+ Tăng cường tiếp thị, chào hàng, để nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường, thị hiếu của khách hàng, năng lực, tiềm lực cũng như phương thức sản xuất kinh doanh, giá cả của các đối thủ cạnh tranh, để có những giải pháp hữu hiệu trong việc điều tiết sản xuất, điều chỉnh giá cả và phương thức mua bán hợp lý. Đồng thời tăng cường tiêu thụ mặt hàng lõi dây cáp điện AC để nâng mức tiêu thụ lên cao.

+ Công tác điều độ phải chính xác, hợp lý. Đặc biệt chú ý đến công tác vận tải nhằm đạt hiệu quả cao nhất giữa các phân xưởng và giảm chi phí.

+ Công tác cung ứng phải đầy đủ, kịp thời, đảm bảo cho sản xuất ổn định và liên tục.

+ Các phân xưởng thực hiện nghiêm túc lệnh điều độ sản xuất, chú trọng hơn nữa việc nâng cao năng suất.

+ Đặc biệt quan tâm đến vấn đề chất lượng và trọng lượng sản phẩm để giữ vững uy tín đối với khách hàng nhất là trong giai đoạn giá sản phẩm của Công ty cao hơn rất nhiều so với bên ngoài.

+ Kịp thời nắm bắt chính xác tình hình thị trường để điều chỉnh giá bán hợp lý và có những giải pháp cụ thể nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng sản lượng tiêu thụ nhất là ở Khu công nghiệp Nhơn Trạch và Miền Tây.

+ Bố trí hợp lý việc xuất, nhập hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

+ Tăng cường công tác tiết kiệm nguyên vật liệu là công tác trọng tâm nhằm giảm giá thành sản phẩm (do hiện nay giá nguyên vật liệu tăng rất cao như chì, kẽm, thép, xăng dầu, điện nước …)

+ Chuẩn bị tốt thiết bị, công nghệ và cung cấp đầy đủ vật tư, nguyên liệu đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh tại Khu Công nghiệp.

+ Liên kết chặt chẽ với Tổng Công ty Thép Việt Nam, để phát huy tiềm lực cạnh tranh trên thị trường.

+ Chủ động dành thị phần trong nước, phục hồi công tác xuất khẩu sang thị trường Campuchia và mở rộng thị phần sang các nước lân cận, đặc biệt các nước trong khối ASEAN.

- Công tác kỹ thuật - cơ điện - đầu tư:

+ Tiếp tục xây dựng thêm một phân xưởng mới tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch để chuyển toàn bộ thiết bị tại 117 Âu Cơ và làm kho thành phẩm, cải tạo, nâng cấp nhà xưởng. Đảm bảo phục vụ tốt sản xuất theo quy hoạch. Đồng thời sử dụng có hiệu quả các hệ thống xử lý môi trường đã được lắp đặt, đảm bảo yêu cầu trong sạch cho môi trường sản xuất và xung quanh.

+ Nghiên cứu cải tạo, nâng cấp thiết bị để nâng cao năng suất.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao và phế phẩm.

+ Phục hồi cải tạo thiết bị cũ để tăng năng lực sản xuất, đa dạng hóa mặt hàng, đáp ứng nhu cầu thị trường.

+ Tăng cường và đẩy mạnh công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, áp dụng qui chế theo ISO 9001:2000.

- Công tác lao động và đào tạo:

+ Tiếp tục bố trí sắp xếp lại lao động hợp lý đặc biệt tại Khu Công nghiệp.

+ Tổ chức các lớp học tại chỗ, hoặc gửi cán bộ công nhân viên đi học tại các trung tâm để nâng cao trình độ tay nghề và kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, theo yêu cầu phát triển sản xuất.

+ Tiếp tục đào tạo bổ sung công nhân giỏi 1 nghề và thành thạo nhiều nghề để dễ dàng chuyển đổi công việc theo sự điều tiết sản xuất.

4.14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Vidothep hiện không có các cam kết chưa thực hiện.

4.15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Vidothep hiện không có các tranh chấp kiện tụng liên quan.

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

5.1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

5.2. Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)

5.3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.965.440 cổ phiếu

5.4. Phương pháp tính giá:

- Căn cứ nguồn vốn chủ sở hữu (CSH), Quỹ Khen thưởng phúc lợi (KTPL) và số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2009 thì giá trị mỗi cổ phần (Book value) của Công ty được tính như sau:

$$\text{Giá trị mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn CSH - Quỹ KTPL}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{27.404.607.544}{1.965.440} = 13.943 \text{ đồng/cp}$$

- Căn cứ nguồn vốn chủ sở hữu (CSH), Quỹ Khen thưởng phúc lợi (KTPL) và số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/09/2010 thì giá trị mỗi cổ phần (Book value) của Công ty được tính như sau:

$$\text{Giá trị mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn CSH - Quỹ KTPL}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{24.187.707.035}{1.965.440} = 12.307 \text{ đồng/cp}$$

5.5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Căn cứ Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Hiện nay không có nhà đầu tư nước ngoài nào nắm giữ cổ phiếu Công ty.

5.6. Các loại thuế có liên quan:

5.6.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty được hưởng là 25%.

5.6.2. Thuế giá trị gia tăng: Thuế suất thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sau cán từ 01/01/2010 là 10%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

6.1. Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: *229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM*

Điện thoại: *(08) 3827 2295* *Fax: (08) 3827 2300*

6.2. Tổ chức cam kết hỗ trợ: Công ty cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng (DNSC)

- Hội sở:

Địa chỉ: *102 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng*

Điện thoại: *(0511) 3 888 456* *Fax: (0511) 3 888 459*

- Chi nhánh TP. HCM:

Địa chỉ : *414 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM*

Điện thoại : *(08) 6290 8919* *Fax: (08) 6290 8907*

VII. PHỤ LỤC

7.1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

7.2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty.

7.3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2008-2009, Báo cáo tài chính Q3/2010.

Trên đây là nội dung Bản công bố thông tin Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây (Vidothep) để đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trân trọng công bố đến Quý cơ quan và nhà đầu tư.

TP. HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2010

Tổ chức cam kết hỗ trợ	**Tổ chức đăng ký giao dịch**
CTCP CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG	**CTCP LƯỚI THÉP BÌNH TÂY**
Phó Giám đốc Chi nhánh TP.HCM	**Chủ tịch HĐQT**
TRẦN NGỌC QUANG	**PHAN VĂN TRÚC**

Giám đốc

NGUYỄN VĂN SÁU

Trưởng Ban kiểm soát

ĐỖ THỊ LONG CHÂU

Kế toán trưởng

LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG